

QUY ĐỊNH

**chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy
của Ban Dân vận Tỉnh ủy**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 137-QĐ/TW, ngày 01/12/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;
- Căn cứ Quy chế làm việc số 16-QC/TU, ngày 30/8/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XXII, nhiệm kỳ 2020-2025;
- Căn cứ Quy định số 870-QĐ/TU, ngày 27/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ;

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ban Dân vận Tỉnh ủy như sau:

Điều 1. Chức năng

- a) Là cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy về công tác dân vận.
- b) Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận của Tỉnh ủy (bao gồm cả công tác dân tộc, tôn giáo); là cơ quan thường trực của các ban chỉ đạo về lĩnh vực công tác dân vận của tỉnh.

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Nghiên cứu, đề xuất và thực hiện

- a) Chủ trì, phối hợp tham mưu, đề xuất xây dựng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định, chương trình công tác dân vận và chủ trương, giải pháp về công tác dân vận của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- b) Chủ trì, phối hợp nghiên cứu, đề xuất Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và triển khai tổ chức thực hiện.
- c) Tham mưu giúp cấp ủy nắm tình hình và chỉ đạo hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng ở tỉnh do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ; hoạt động công tác dân vận của các cơ quan nhà nước ở tỉnh.
- d) Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể theo dõi, tổng hợp tình hình nhân dân (bao gồm cả tình hình dân tộc, tôn giáo, các giai tầng xã hội, các vấn đề bức xúc trong Nhân dân), báo cáo và tham mưu kịp thời với Tỉnh ủy và Ban

Thường vụ Tỉnh ủy để lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận và xử lý những vấn đề phát sinh.

đ) Tham gia ý kiến với các cơ quan chính quyền trong việc thể chế hóa các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định của Đảng về công tác dân vận, tôn giáo, dân tộc và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

e) Thực hiện việc báo cáo định kỳ và đột xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Dân vận Trung ương theo quy định.

g) Sơ kết, tổng kết về công tác dân vận.

2. *Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát*

a) Việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định của Đảng về công tác dân vận.

b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận cho cấp ủy và cán bộ làm công tác dân vận của Đảng trong tỉnh.

3. *Thẩm định, thẩm tra*

a) Các đề án, văn bản về công tác dân vận trước khi trình Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

b) Tham gia ý kiến đối với các đề án, dự án thuộc lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng - an ninh... liên quan đến công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo; các đề án, dự án có liên quan đến quyền làm chủ của Nhân dân và công tác dân vận của các cơ quan Nhà nước.

4. *Phối hợp*

a) Với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu, giúp Tỉnh ủy xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm về công tác dân vận.

b) Với các ban, ngành liên quan trong các hoạt động chung về công tác dân vận; công tác nghiên cứu, kiểm tra, đào tạo, bồi dưỡng, thông tin... về công tác dân vận ở tỉnh.

c) Với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan liên quan và các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ trong công tác vận động nhân sĩ, trí thức, người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số và chức sắc trong tôn giáo; trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

d) Với Ban Tổ chức Tỉnh ủy trong công tác cán bộ theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử; trong việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người lao động của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

đ) Với Ban Nội chính Tỉnh ủy hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết và văn bản của Đảng về công tác tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

e) Với Văn phòng Tỉnh ủy giúp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

g) Với thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trong thực hiện công tác dân vận chính quyền.

h) Với cơ quan Quân sự, Công an tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh và các cơ quan tư pháp tỉnh trong thực hiện công tác dân vận của lực lượng vũ trang và cơ quan tư pháp.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy giao.

Điều 3. Trách nhiệm, quyền hạn

1. Chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy trong tham mưu, đề xuất với cấp ủy và thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

2. Được yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy báo cáo, cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình.

3. Được cử cán bộ dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và các cơ quan liên quan khi bàn về nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn do cơ quan mình phụ trách.

4. Thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm, thẩm quyền của chủ thể kiểm tra, giám sát theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Dân vận Trung ương.

Điều 4. Về tiêu chuẩn chức danh và cơ cấu cán bộ, công chức

1. Về tiêu chuẩn chức danh

Việc xác định tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm của cán bộ, công chức trong cơ quan do Ban Dân vận Tỉnh ủy xây dựng, Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét theo quy định.

2. Về cơ cấu cán bộ, công chức

Bố trí hợp lý cơ cấu cán bộ, công chức phù hợp với tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm; bảo đảm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đồng thời bảo đảm cơ cấu cán bộ, công chức làm công tác nghiên cứu, tham mưu chiếm đa số và giảm tối đa số lượng người phục vụ.

Điều 5. Tổ chức bộ máy, biên chế

1. Lãnh đạo Ban

Gồm Trưởng ban và các Phó Trưởng ban. Số lượng Phó Trưởng ban do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định, bảo đảm tổng số cấp phó của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy không quá 18 người.

2. Cơ cấu tổ chức

a) Tổ chức bộ máy

Ban Dân vận Tỉnh ủy có không quá 03 phòng: Phòng Đoàn thể và các hội; Phòng Dân vận các cơ quan nhà nước, dân tộc và tôn giáo; Văn phòng. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các phòng do Ban Dân vận Tỉnh ủy xây dựng theo quy định.

b) Nguyên tắc thành lập phòng

Tối thiểu có 05 người mới thành lập phòng. Trường hợp chưa bố trí đủ biên chế, ít nhất phải có 04 người mới được thành lập phòng. Phòng có dưới 10 người được bố trí trưởng phòng và không quá 02 phó trưởng phòng; có từ 10 người trở lên được bố trí không quá 03 phó trưởng phòng. Việc thành lập phòng căn cứ vào biên chế được Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao hằng năm để bố trí, sắp xếp cho phù hợp với thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ.

3. Về biên chế

Do Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao hằng năm và thực hiện lộ trình tinh giản biên chế theo Kế hoạch sử dụng biên chế của Ban Thường vụ Tỉnh ủy bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 6. Mối quan hệ công tác

1. Với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và Ban Dân vận Trung ương

a) Ban Dân vận Tỉnh ủy chịu sự lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy; thực hiện chế độ báo cáo, xin ý kiến, tham mưu đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy các vấn đề thuộc trách nhiệm, lĩnh vực được phân công; về chương trình công tác của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

b) Ban Dân vận Tỉnh ủy chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện chế độ thống kê, báo cáo đối với Ban Dân vận Trung ương theo quy định.

2. Với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh là quan hệ phối hợp.

a) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh nghiên cứu, triển khai tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

b) Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh là quan hệ phối hợp.

a) Ban Dân vận Tỉnh ủy phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh để triển khai thực hiện nhiệm vụ tham mưu thuộc lĩnh vực của mình có liên quan đến công tác quản lý nhà nước; Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện, hỗ trợ để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

b) Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh bàn về các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của Ban Dân vận Tỉnh ủy, thì đại diện lãnh đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy được mời dự, tham gia ý kiến. Những nội dung cần thiết, lãnh đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy làm việc trực tiếp với Thường trực Hội đồng nhân dân và lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp thực hiện nhiệm vụ của mỗi bên.

4. Với cấp ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy cấp dưới

a) Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy là quan hệ phối hợp, trao đổi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác chuyên môn, tổ chức và cán bộ theo phân cấp.

b) Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy là quan hệ hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Điều 7. Quy chế làm việc của Ban Dân vận Tỉnh ủy

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế, Ban Dân vận Tỉnh ủy tiến hành bổ sung, hoàn chỉnh và ban hành Quy chế làm việc của cơ quan.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các quy định trước đây trái với quy định này về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế đều được bãi bỏ.

Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, bổ sung, sửa đổi kịp thời./.

Nơi nhận :

- Ban Tổ chức Trung ương;
- Ban Dân vận Trung ương;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Như Điều 8;
- BTV các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc;
- Lưu VPTU, Ban TCTU.

P.TCCB/BTCTU

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Đoàn Minh Huấn

